



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
Tuần 33: từ ngày 24/03/2025 đến ngày 30/03/2025

THỨ LỚP	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY					
K9-KTDN K10-KTDN P.303	Sáng Sinh hoạt lớp 1 Tiếng anh (Linh) 3	GDTC (Thúy) 4	GD chính trị (Thắm) 2 Pháp luật (Nga) 2 Tiếng anh (Linh) 4	Tài chính DN (Thúy) 4 (P.101) GD chính trị (Thắm) 4	Tin học (Hà) 4
K9-DVTY K10-DVTY P.303	Sáng Sinh hoạt lớp 1 Tiếng anh (Linh) 3	GDTC (Thúy) 4	GD chính trị (Thắm) 2 Pháp luật (Nga) 2 Tiếng anh (Linh) 4		Tin học (Hà) 4
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY					
TT63A1 P.203	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Cây ăn quả (Hương) 3	Cây ăn quả (Hương) 3	Cây ăn quả (Hương) 3	Kiểm dịch TV (Lịch) 3
CNTY63A3 P.301	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp 1 KTNPTB cho trâu bò (Vân) 3	KT thịt và các SP khác 4 (Quyên)	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 3	Ngoại sản (Lệ) 3
CNTY63A4 P.205	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp 1 KT thịt và các SP khác (Quyên) 3	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 4	Ngoại sản (Hưng) 3	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 3
KTDN63A P.204	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp 1 THKT trong DNSX (T.Thảo) 3	Kế toán HCSN (P.Thảo) 3	Kiểm toán (Hoa) 3	THKT trong DNSX (T.Thảo) 3
CNTT63A1 P.TH	Sáng Chiều		Xử lý ảnh với Corel (Thảo) 4	QHTT Web và Mail Server 4 (Hà)	Đồ họa ứng dụng (Quang) 4
CNTT63A2 P.TH	Sáng Chiều		Đồ họa ứng dụng (Quang) 4	Đồ họa ứng dụng (Quang) 4	Xử lý ảnh với Corel (Thảo) 4

TT64A1 P.306	Sáng		Sinh hoạt lớp Thủy nông (Bình)	1 3	Khuyến nông (Thọ)	4	Hóa BVTV (Hương)	4	Côn trùng chuyên khoa (Huệ)	4	
	Chiều										
CNTY64A1 P.102	Sáng	Sinh hoạt lớp VSV - TN (Hòa)	1 3	Tin học (Hà)	4	CD và ĐTH thú y (Vân)	4	Giống vật nuôi (Hằng)	4	Dược lý thú y (Lệ)	4
	Chiều										
CNTY64A3 P.202	Sáng	Sinh hoạt lớp Giống vật nuôi (H.Nga)	1 3	VSV - TN (Hòa)	4	KTTG (Quyên)	4	CD và ĐTH thú y (Lệ)	4	Giống vật nuôi (H.Nga)	3
	Chiều										
KTDN64A1 P.103	Sáng	Sinh hoạt lớp Nguyên lý Marketing (Son)	1 3	Kế toán DN1 (Q.Mai)	4	Kế toán DN1 (Q.Mai)	4	Tài chính DN (Hoa)	4	Luật kinh tế (Nga) Nguyên lý Marketing (Son)	2 2
	Chiều										
KTDN64A2 P.101	Sáng	Sinh hoạt lớp Luật kinh tế (Huyền)	1 3	Nguyên lý Marketing (Son) Kế toán DN1 (P.Thảo)	2 2	GDQP - AN (Mạnh)	4	Tài chính DN (Thúy)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4
	Chiều										
CNTT64A1 P.305	Sáng	Sinh hoạt lớp Cấu trúc máy tính (Hà)	1 3	Tiếng anh chuyên ngành (Phiên) Tổ chức QLDN (Son)	2 2	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	Cấu trúc DL và GT (Hà)	4	Tổ chức QLDN (Son) Pháp luật (Huyền)	2 2
	Chiều										
CNTT64A2 P.A202	Sáng	Sinh hoạt lớp Tổ chức QLDN (T.Thảo)	1 3	Mạng máy tính (Quang)	4	Tiếng anh chuyên ngành (Phiên) Pháp luật (Huyền)	2 2	Tổ chức QLDN (T.Thảo)	4	Lập trình cơ bản (Thảo)	4
	Chiều										
ĐCN63A1 P.A102	Sáng										
	Chiều					Cung cấp điện (Tuấn)	4	Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4	Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4
ĐCN63A2 P.A103	Sáng										
	Chiều					Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4	Cung cấp điện (Đ.Đức)	4	Trang bị điện (Nga)	
ĐCN64A1 P.A102	Sáng	Máy điện (Tuấn)	4			Máy điện (Tuấn)	4	Máy điện (Tuấn)	4	Tiếng anh (Linh) (P.302)	4
	Chiều										
ĐCN64A2 P.A103	Sáng	Truyền động điện (Nga)	4			Máy điện (Giáp)	4	Máy điện (Giáp)	4	Tiếng anh (K.Nhung) (P.303)	4
	Chiều										

ĐCN64A3 P.A301	Sáng	Tiếng anh (Phiên)	4		Khí cụ điện (Đ.Đức)	4	Máy điện (Dương)	4	Truyền động điện (Hòa)	4	
	Chiều										
ĐCN 63B	Sáng										
	Chiều		Cung cấp điện (Huân)	4	Kỹ thuật ĐKTD (Dương)	4	Trang bị điện (Nga)	4	Cung cấp điện (Huân)	4	
ĐCN64B	Sáng	GDQP - AN (Mạnh)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4	Truyền động điện (Hòa)	4	Máy điện (Huân)	4	Máy điện (Huân)	4
	Chiều										
TL63	Sáng										
	Chiều		VH máy bơm li tâm và hỗn lưu (Hoà)	3	Máy đóng cửa van (N.Đức)	3	Máy đóng cửa van (N.Đức)	4	Máy đóng cửa van (N.Đức)	3	
TL64B	Sáng	GDQP - AN (Mạnh)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4	Trắc địa (N.Đức)	4	Vẽ KT thủy lợi (Huyền)	4	Trắc địa (N.Đức)	4
	Chiều										
KTDN63B	Sáng										
	Chiều		Kế toán HCSN (T.Thảo)	3	Tin học kế toán (Mai)	3	THKT trong DNSX (Dung)	3	Tin học kế toán (Mai)	3	
KTDN64B	Sáng	GDQP - AN (Mạnh)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4	Kinh tế vi mô (Mai)	4	Kinh tế vi mô (Mai)	4	Tài chính DN (Dung)	4
	Chiều										
CBBQ63	Sáng										
	Chiều		KT chất lượng TS (Năm)	3	CB khô thủy sản (Liên)	3	KT chất lượng TS (Năm)	3	CB khô thủy sản (Liên)	3	
CBBQ64	Sáng	GDQP - AN (Mạnh)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4	CB đồ hộp thủy sản (Năm)	4	Bao bì thực phẩm (Liên)	4	CB đồ hộp thủy sản (Năm)	4
	Chiều										
ĐKTB63	Sáng										
	Chiều		Địa văn hàng hải (Tiến)	3	Tiếng anh CN hàng hải (T.Nhung)	3	La bàn từ (Trung)	4	Tiếng anh CN hàng hải (T.Nhung)	3	
KTMĐT63	Sáng										
	Chiều		TH cơ bản (Đồng)	3	TH cơ bản (Đồng)	3	BD, SC thiết bị trên boong (Tiến)	4	BD, SC thiết bị trên boong (Tiến)	3	

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

KTMTT64	Sáng	GDQP - AN (Mạnh)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4	Trực ca (Trung)	4	MT và bảo vệ MT thủy (Ánh)	4	Vật liệu máy tàu thủy (Tiến)	4		
	Chiều												
NTTS64	Sáng	GDQP - AN (Mạnh)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4	QLCL nước trong nuôi TS (Ánh)	4	DD thức ăn trong NTTS (Năm)	4	QLCL nước trong nuôi TS (Ánh)	4		
	Chiều												
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN													
THỨ LỚP		Thứ 6				Thứ 7				Chủ nhật			
TT63A2 P.101	Sáng					Sinh hoạt lớp Kiểm dịch TV (Lịch)				1 4	Cây ăn quả (Bình)	4	
	Chiều										Cây ăn quả (Bình)	4	
TT64A2	Sáng	Thủy nông (Bình)				4	Sinh hoạt lớp Khuyến nông (Thọ)				1 4	Giống cây trồng (Huyền)	4
	Chiều	Thủy nông (Bình)				4	Khuyến nông (Thọ)				4	Giống cây trồng (Huyền)	4
TT64A3 P.304	Sáng	GDTC (Hà)				4	Sinh hoạt lớp Sinh lý TV (Bình)				1 4	Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều	Tin học (Thoa)				4	Sinh lý TV (Bình)				4	Tiếng anh (K.Nhung)	4
CN63A2 P.102	Sáng						Sinh hoạt lớp KT thịt và các SP khác (Phượng)				1 4	KTNPTB cho gà vịt (Duyên)	4
	Chiều						KTNPTB cho gà vịt (Duyên)				4	Ngoại sản (Lệ)	4
CN64A2 P.304	Sáng	GDTC (Hà)				4	Sinh hoạt lớp GP sinh lý vật nuôi (H.Nga)				1 4	Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều	Tin học (Thoa)				4	Giống vật nuôi (Hằng)				4	Tiếng anh (K.Nhung)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỞNG
 CAO ĐẲNG
 NÔNG NGHIỆP
 THANH HÓA
Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Tuần 33: từ ngày 24/03/2025 đến ngày 30/03/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH62B3 P.201	Sáng	GDKT và PL (Quyên) 2 (Ôn tập)	HĐTN (Phượng) 1 Sinh học (Phượng) 3	Toán (Nhưng) 2 (Ôn tập)	Địa lý (Thúy) 2 Ngữ văn (Hằng) 2	Toán (Nhưng) 4
	Chiều	Lịch sử (Dự) 4	Ngữ văn (Hằng) 2 (Ôn tập)	GDKT và PL (Quyên) 2 CĐ GDKT và PL (Quyên) 2	Ngữ văn (Hằng) 4	Lịch sử (Dự) 2 (Ôn tập)
VH62B4	Sáng	Ngữ văn (Hằng) 3 CĐ Ngữ văn (Hằng) 2	HĐTN (Quyên) 1 GDKT và PL (Quyên) 3	GDKT và PL (Quyên) 2 (Ôn tập)	Toán (Nhưng) 2 (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) 2 (Ôn tập)
	Chiều		Toán (Nhưng) 4	Toán (Nhưng) 4	Lịch sử (Hà) 2 (Ôn tập)	Vật lý (Hòa)
VH62B5 P.104	Sáng	Địa lý (Ngọc) 2 Sinh học (Phượng) 2	Ngữ văn (Hằng) 2 (Ôn tập)	Toán (Quý) 4	Địa lý (Ngọc) 2 (Ôn tập)	Lịch sử (Dự) 2 GDKT và PL (Quyên) 2
	Chiều	HĐTN (Quý) 1 Toán (Quý) 3	Toán (Quý) 4	Lịch sử (Dự) 2 (Ôn tập)	Toán (Quý) 2 (Ôn tập)	
VH63B1	Sáng	Địa lý (Thúy) 3 CĐ Địa lý (Thúy) 2	Vật lý (Hòa) 5	Ngữ văn (Hằng) 3 CĐ Ngữ văn (Hằng) 2	GDKT và PL (Đ.Thúy) 2 Hóa học (Vân) 3	Lịch sử (Hà) 3 CĐ Lịch sử (Hà) 2
	Chiều	HĐTN (Nhưng) 1 Toán (Nhưng) 3				
VH63B3 P.203	Sáng	HĐTN (Hà) 1 Hóa học (Hà) 2 Lịch sử (Dự) 2	Lịch sử (Dự) 2 Ngữ văn (Hương) 3	GDKT và PL (Quế) 3 Ngữ văn (Hương) 2	Toán (Thảo) 5	Địa lý (Chung) 3 Sinh học (Phượng) 2
	Chiều	GDKT và PL (Quế) 2 Sinh học (Phượng) 2				
VH63B4 P.205	Sáng	HĐTN (Dự) 1 Lịch sử (Dự) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2	Toán (Nhưng) 5	Sinh học (Phượng) 3 Ngữ văn (H.Hà) 2	Sinh học (Phượng) 3 Lịch sử (Dự) 2	GDKT và PL (Quyên) 3 Địa lý (Chung) 2
	Chiều	GDKT và PL (Quyên) 4				

VH63B5 P.A101	Sáng	HĐTN (Quế) 1 GDKT và PL (Quế) 4	Toán (Trang) 2 Lịch sử (Dự) 2	Vật lý (Hòa) 3 Lịch sử (Dự) 2	Hóa học (Hà) 2 Địa lý (Thùy) 3	Ngữ văn (Hương) 3 CĐ Ngữ văn (Hương) 2
	Chiều	Toán (Trang) 4	Địa lý (Thùy) 4			
VH63B6 P.302	Sáng	HĐTN (Hoà) 1 Ngữ văn (Hương) 4	Toán (Trang) 2 Hoá học (Vân) 2	Lịch sử (Dự) 3 Toán (Trang) 2	Ngữ văn (Hương) 3 GDKT và PL (Quế) 2	Địa lý (Nhài) 5
	Chiều	Hóa học (Vân) 2 GDKT và PL (Quế) 2	Lịch sử (Dự) 2 CĐ Lịch sử (Dự) 2			
VH63B7 P.301	Sáng	HĐTN (Nga) 1 GDKT và PL (Nga) 2 Vật lý (Hòa) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2 Hóa học (Hà) 2	Hóa học (Hà) 3 Vật lý (Hòa) 2	Địa lý (Nhài) 3 Hóa học (Hà) 2	Hóa học (Hà) 3 Lịch sử (Dự) 2
	Chiều	Địa lý (Nhài) 4	Ngữ văn (H.Hà) (P.303) 4			
VH63B8 P.204	Sáng	HĐTN (K.Nhung) 1 Vật lý (Hòa) 2 Sinh học (Phượng) 2	Địa lý (Nhài) 3 CĐ Địa lý (Nhài) 2	Ngữ văn (Hương) 3 GDKT và PL (Quế) 2	Lịch sử (Dự) 3 Địa lý (Nhài) 2	Toán (Thảo) 4
	Chiều					Sinh học (Phượng) 2 Ngữ văn (Hương) 2
VH64B1	Chiều	HĐTN (Hằng) 1 Ngữ văn (Hằng) 3	Địa lý (Thủy) 4	Hóa học (Hà) 4	Toán (Hương) 4	Lịch sử (Hà) 4
VH64B2 P.306	Sáng	Ngữ văn (H.Hà) 2 Sinh học (Hồng) 2				
	Chiều	HĐTN (Nhung) 1 GDKT và PL (Nga) 2 CĐ GDKT và PL (Tài) 1	Địa lý (Chung) 4	Ngữ văn (H.Hà) 2 Sinh học (Hồng) 2	Toán (Trang) 4	Ngữ văn (H.Hà) 2 GDKT và PL (Nga) 2
VH64B3 P.A202	Chiều	HĐTN (Vân) 1 GDKT và PL (Quyên) 3	CĐ GDKT và PL (Tài) 2 Vật lý (Hòa) 2	Ngữ văn (Hương) 4	Địa lý (Thủy) 4	Toán (Quý) 4
VH64B4 P.A101	Sáng		Ngữ văn (Hương) (P.A302) 2 GDKT và PL (Đ. Thủy) (P.A302) 2			
	Chiều	HĐTN (H.Nga) 1 Địa lý (H.Nga) 3	Hóa học (Hà) 2 CĐ GDKT và PL (Tài) 2	Toán (Trang) 4	Ngữ văn (Hương) 2 Vật lý (Vân) 2	Ngữ văn (Hương) 2 GDKT và PL (Đ. Thủy) 2

VH64B5 P.A301	Sáng		Hóa học (Hà) (P.A303) 2			
			GDKT và PL (Thắm) (P.A303) 2			
	Chiều	HĐTN (Hoà) 1	CĐ Vật lý (Hoà) 2	Ngữ văn (Lý) 4	Lịch sử (Nhưng) 2	Toán (Trang) 4
		Vật lý (Hoà) 3	Địa lý (Nga) 2		Hóa học (Hà) 2	
VH64B6 P.103	Chiều	HĐTN (H. Hà) 1	Sinh học (Phượng) 2	Toán (Quý) 4	GDKT và PL (Quyên) 2	GDKT và PL (Quyên) 2
		Ngữ văn (H.Hà) 3	Ngữ văn (H.Hà) 2		Lịch sử (Nhưng) 2	Sinh học (Phượng) 2
VH64B7 P.101	Chiều	HĐTN (Dạ) 1	GDKT và PL (Đ. Thúy) 2	Sinh học (Phượng) 2	Toán (Thảo) 4	Địa lý (Chung) 2
		Ngữ văn (Hương) 3	Hóa học (Hà) 2	Lịch sử (Nhưng) 2		CĐLC Địa lý (Chung) 2
VH64B8 P.102	Chiều	HĐTN (Phiên) 1	Toán (Trang) 4	Lịch sử (Nhưng) 2	Địa lý (Chung) 2	Ngữ văn (Lý) 4
		Sinh học (Hồng) 3		GDKT và PL (Nga) 2	CĐLC Địa lý (Chung) 2	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP
THANH HOÁ
Đoàn Văn Lưu

THỜI KHÓA BIỂU HỌC LẠI NĂM HỌC 2024 - 2025

Từ ngày 17/03/2025 đến ngày 23/03/2025

Thứ		Môn học	Số tiết	Phòng học	Ghi chú
T7-CN	Sáng	Tiếng anh CN CNTT (Linh)	4	103	Vi Thị Như (CNTT63A1)
	Chiều	Tiếng anh CN CNTT (Linh)	4		
T7-CN	Sáng	Lý thuyết kế toán (P.Thảo)	4	104	Lương Thị Khánh Ly (KTDN63A) Lương Thị Ngân (KTDN63A)
	Chiều	Lý thuyết kế toán (P.Thảo)	4		
T7	Sáng	VSV và bệnh TN (Duyên)	4	201	Vi Thị Dung (CNTY63A4) Vi Thị Bảo Quyên (CNTY63A4) Phạm Thị Huệ (CNTY63A4)
CN	Chiều	VSV và bệnh TN (Duyên)	4		
CN	Sáng	Mạch điện (Huyền)	4	A.102	Quách Ngọc Hiếu (ĐCN63A2) Nguyễn Đình Hoàng (ĐCN63A2) Hà Xuân Phong (ĐCN63A2)
	Chiều	Mạch điện (Huyền)	4		

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đoàn Văn Lưu